

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ SỐ LƯỢNG ĐẦU VÀO CỦA SINH VIÊN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NỘI VỤ HÀ NỘI HIỆN NAY

Nguyễn Thị Thúy Hoa - Trường Đại học Nội vụ Hà Nội

Ngày nhận bài: 05/12/2017; ngày sửa chữa: 13/12/2017; ngày duyệt đăng: 19/12/2017.

Abstract: Recently, the number of universities and colleges in Vietnam is increasing dramatically; in contrast, the number of high school graduates tends to decrease. Therefore, universities, particularly newly-established universities, must raise their competitiveness to compete with top notch universities to attract students. In this article, author mentions situation of competitiveness of Hanoi University of Home Affairs in current period. Also, the article proposes some solutions to improve quality and quantity of student enrolments for Hanoi University of Home Affairs in current period such as enhance quality of training, branding, intensifying communication; expanding the scholarship policy; upgrading infrastructure for training, etc.

Keywords: Hanoi University of Home Affairs, attract, students, quality training.

1. Mở đầu

Thời gian gần đây, số lượng các trường đại học, cao đẳng mới được thành lập ở nước ta tăng nhanh do thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục của Đảng và Nhà nước. Chỉ trong vòng 10 năm (2006-2016), nước ta đã có thêm 213 trường đại học, cao đẳng. Tính đến thời điểm năm 2016, cả nước có 478 trường đại học, cao đẳng.

Mặt khác, theo thống kê của Bộ GD-ĐT [1], số học sinh học hết trung học phổ thông (THPT) đã giảm đáng kể trong những năm gần đây (xem *bảng 1*):

Bảng 1. Số lượng học sinh dự thi tốt nghiệp THPT

TT	Năm học	Số lượng học sinh dự thi tốt nghiệp THPT
1	2006-2007	3.075.000
2	2012-2013	2.675.000
3	2013-2014	2.532.000
4	2014-2015	1.005.000
5	2015-2016	887.396
6	2016-2017	866.000

Do số học sinh tốt nghiệp THPT giảm nên số thí sinh đăng ký xét tuyển đại học, cao đẳng cũng giảm theo. Nếu năm 2011-2012 có 1,7 triệu thí sinh dự thi thì đến năm 2016-2017 chỉ còn 866.000 thí sinh dự thi. Bên cạnh sự gia tăng số trường đại học, cao đẳng và suy giảm số thí sinh dự tuyển, việc tuyển sinh của các trường đại học còn gặp khó khăn do vấn đề học phí. Với lộ trình tăng học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ, chi phí học đại học trở thành áp lực với nhiều hộ gia đình. Mặt khác, tâm lý học xong đại học không biết có xin được việc hay không cũng là một trở ngại lớn. Do đó, thay vì học đại học, cao đẳng, nhiều học sinh đã lựa chọn học nghề.

Ngoài ra, các trường đại học không chỉ cạnh tranh số lượng thí sinh đăng ký học với các trường trong nước mà còn phải cạnh tranh với các trường đại học nước ngoài. Bởi, thay vì học đại học trong nước, những học sinh là con các gia đình khá giả có thể lựa chọn đi học ở nước ngoài với mục đích được mở rộng tầm nhìn, nâng cao kiến thức, phát triển “kỹ năng mềm”, cơ hội trải nghiệm cuộc sống trong môi trường đa văn hóa và đặc biệt là có cơ hội tuyển dụng với thu nhập cao sau khi về nước...

Ngoài khó khăn chung kể trên, Trường Đại học Nội vụ Hà Nội còn có một số khó khăn riêng, như: Trường mới được nâng cấp lên đại học năm 2011, nên số ngành đào tạo trình độ đại học của Trường chưa nhiều (có 9 ngành: *Lưu trữ học, Quản trị văn phòng, Quản trị nhân lực, Quản lý nhà nước, Quản lý văn hóa, Khoa học thư viện, Chính trị học, Luật, Hệ thống thông tin*); trong đó có một số ngành mới được phép đào tạo trình độ đại học năm 2016-2017 (*Luật, Chính trị học, Hệ thống thông tin*). Vì vậy, nhiều học sinh và phụ huynh chưa biết thông tin tuyển sinh của các ngành học này. Trước tình hình đó, đòi hỏi Trường Đại học Nội vụ Hà Nội phải có chiến lược, giải pháp đặc biệt để thu hút học sinh đăng ký dự tuyển vào Trường.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số chính sách đã được thực hiện nhằm nâng cao chất lượng và số lượng sinh viên đầu vào của Trường Đại học Nội vụ Hà Nội hiện nay

2.1.1. Chính sách nâng cao chất lượng đào tạo, xây dựng “thương hiệu”: Bên cạnh việc liên tục nâng cao chất lượng đào tạo đối với các ngành học truyền thống (*Lưu trữ học, Quản trị văn phòng, Quản trị nhân lực...*), Trường còn chú trọng đẩy mạnh hợp tác quốc tế. Những

năm qua, Trường đã không ngừng duy trì và thiết lập quan hệ hợp tác với các trường đại học và nhiều tổ chức quốc tế ở nhiều nước trên thế giới: Hoa Kỳ, Nga, Pháp, Áo, Cuba, Đức, Lào, Campuchia, Hàn Quốc, Trung Quốc... nhằm thực hiện các dự án đào tạo, nghiên cứu khoa học, đẩy mạnh và đa dạng hóa các hoạt động hợp tác quốc tế, tích cực gia nhập mạng lưới quốc tế về giáo dục đại học.

Nhà trường cũng sử dụng chính sách: khẳng định chất lượng giáo dục thông qua các cuộc thi cấp Trường, cấp Bộ và Quốc gia, như: “Tài năng sinh viên (SV)”, “SV Nội vụ tài năng và tri thức”, “Vô địch Tin học văn phòng thế giới”..., tăng cường công tác tư vấn, hỗ trợ SV tham gia chương trình trao đổi SV với Trường Đại học Niagara (Hoa Kỳ) và Trường Đại học SunMoon (Hàn Quốc) nhằm giúp SV có cơ hội trải nghiệm, tự đánh giá năng lực bản thân, nâng cao thương hiệu, uy tín của Trường. Để có chất lượng đào tạo cao, thu hút đối tượng tuyển sinh ở mọi miền đất nước, Trường cũng chú trọng xây dựng cơ sở vật chất, phát triển các cơ sở đào tạo trực thuộc tại miền Trung, miền Nam hiện đại đáp ứng nhu cầu đào tạo.

2.1.2. Chính sách xây dựng và thu hút giảng viên có chất lượng cao; sử dụng những người có học hàm, học vị, chuyên gia uy tín ở ngoài trường tham gia giảng dạy. Ngoài ra, Trường còn chú trọng đến công tác nâng cao năng lực và trình độ cho giảng viên (GV) thông qua các chương trình cụ thể, như: tổ chức bồi dưỡng, thi và cấp chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn kiến thức, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định (Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông); bồi dưỡng nâng chuẩn năng lực tiếng Anh; tạo cơ hội cho GV đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn ở trong và ngoài nước; mời các chuyên gia đến làm việc, tham dự hội thảo; qua đó, tạo điều kiện để GV của Trường có cơ hội trao đổi, học hỏi kinh nghiệm.

2.1.3. Chính sách quản lý đào tạo theo hướng chuyên nghiệp: Nhà trường đã sử dụng hệ thống phần mềm quản lý đào tạo, thường xuyên cập nhật, nâng cấp để SV dễ dàng truy cập tìm hiểu kết quả học tập của mình. Công tác SV được chú trọng thông qua nhiều hoạt động có ý nghĩa: duy trì đều đặn và tổ chức có hiệu quả Hội nghị sinh hoạt chính trị và đối thoại giữa nhà trường với SV theo từng quý nhằm lấy ý kiến và kịp thời giải đáp những thắc mắc của SV; tổ chức nhiều buổi sinh hoạt ngoại khóa, nói chuyện chuyên đề cho SV (chương trình đối thoại - chia sẻ: “6 tuyệt chiêu hạ gục nhà tuyển dụng và 13 bí kíp chinh phục môi trường làm việc mới”, chương trình thiện nguyện thường niên “Tết yêu thương”, nói chuyện chuyên đề “Đạo đức công vụ”, hội nghị chia sẻ

kiến thức, kỹ năng chăm sóc sức khỏe cho SV...). Đối với SV thuộc diện chính sách, nhà trường ưu tiên cho các em được ở kí túc xá, tạo mọi điều kiện thuận lợi trong sinh hoạt và học tập.

2.1.4. Chính sách học phí, học bổng và khen thưởng: Học phí chương trình đào tạo hệ chính quy được ấn định theo quy định mức trần học phí của Bộ GD-ĐT. Đối với các lớp liên kết đào tạo, mức học phí cao hơn và do phía nhà trường, đối tác ấn định. Trường cũng có những chính sách miễn, giảm học phí cho SV thuộc diện chính sách, SV có hoàn cảnh khó khăn; khen thưởng cho SV đạt thành tích cao trong học tập, trong các kì thi; có chương trình tài trợ học bổng từ các doanh nghiệp...

2.1.5. Chính sách truyền thông, quảng bá hình ảnh được chú trọng để thu hút nhiều thí sinh nhập học với các hình thức khác nhau: thiết kế website đăng kí tuyển sinh trực tuyến; tư vấn tuyển sinh tại các trường THPT ở các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên; tham gia *Hội chợ tư vấn tuyển sinh* (Báo Thanh niên tổ chức); tư vấn qua Email, Facebook... Ngoài ra, Trường cũng đã tổ chức các đội SV tình nguyện tìm phòng trọ, phát com miễn phí và phát tờ rơi quảng cáo nhằm thông tin cho thí sinh về chương trình đào tạo của nhà trường. Việc quảng bá hình ảnh của Trường còn được thực hiện thông qua các hoạt động cộng đồng, như: *Tiếp sức mùa thi; Mùa hè xanh; Hành trình biển đảo; Tình nguyện mùa đông; Đền ơn, đáp nghĩa* và các hoạt động từ thiện khác...

Các chính sách trên được thực hiện linh hoạt, phù hợp với đặc thù riêng, góp phần tạo dựng thương hiệu của Trường. Tuy nhiên, trong điều kiện số lượng thí sinh ngày càng giảm, sức cạnh tranh của các trường trong và ngoài nước ngày càng tăng, nhà trường cần phải chú trọng hơn nữa đến việc nâng cao hiệu quả chiến lược, chính sách nâng cao chất lượng và số lượng SV đầu vào.

2.2. Một số giải pháp nâng cao chất lượng và số lượng sinh viên đầu vào của Trường Đại học Nội vụ Hà Nội

2.2.1. Nâng cao chất lượng đào tạo, tăng tính hấp dẫn, tạo dựng danh tiếng của Trường: Nhà trường cần xác định chất lượng làm nền tảng. Đây là giải pháp mang tính chất dài hạn và đóng vai trò quan trọng nhất trong việc thu hút SV vào học. Có thể coi chất lượng đào tạo như chất lượng hàng hóa và tính hấp dẫn của nhà trường như “thương hiệu” của doanh nghiệp. Khi “thương hiệu” đã được khẳng định thông qua chất lượng đào tạo thì số lượng thí sinh vào Trường ngày càng nhiều hơn.

Để nâng cao chất lượng đào tạo, đòi hỏi Trường phải thực hiện quyết liệt, đồng bộ nhiều biện pháp, như: tăng điểm xét tuyển đầu vào để có được thí sinh có lực học tốt; nâng cao tiêu chí lựa chọn GV để có nguồn nhân lực đào tạo chất lượng cao; cập nhật nội dung đào tạo với

những tiến bộ khoa học - công nghệ và hội nhập, trang bị kỹ năng mềm, phát huy năng lực tự học và tính sáng tạo của người học; xây dựng các chương trình đạt chuẩn khu vực và quốc tế để có thể liên kết, trao đổi SV với các trường đại học nước ngoài; không ngừng nâng cao chất lượng, quy mô đào tạo đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao và đa dạng của xã hội; áp dụng phương thức giảng dạy và kiểm tra đánh giá tích cực; kiểm định chất lượng theo Chuẩn quốc gia và khu vực; đánh giá xác định nhu cầu tuyển sinh gắn liền với nhu cầu sử dụng các dịch vụ giáo dục của người học; từ đó mạnh dạn mở các ngành học mới (như *Quan hệ công chúng, Thi đua khen thưởng, Công tác xã hội, Văn hóa học...*) và bổ sung những môn học mới (*tiếng Nhật, tiếng Trung...*); phát triển các chương trình đào tạo chất lượng cao, sau đại học đáp ứng nhu cầu xã hội.

2.2.2. Nâng cao hiệu quả công tác quảng cáo, truyền bá về các ngành học và hình ảnh của Trường: Trường cần đẩy mạnh việc quảng bá, thông tin trên báo chí, đài phát thanh, truyền hình, Internet thông qua nhiều hình thức: tổ chức cuộc thi thương hiệu, quay phim để giới thiệu Trường; trong đó có giới thiệu kỹ hơn về 3 ngành học mới được Bộ GD-ĐT cho phép đào tạo (*Luật, Chính trị học, Hệ thống thông tin*); cung cấp đầy đủ và chi tiết các thông tin về từng ngành học; cập nhật và giới thiệu các công trình nghiên cứu khoa học; cơ hội việc làm của các ngành học trên Website, Facebook của Trường; tổ chức các cuộc hội thảo, phát tờ rơi giới thiệu ngành nghề trước các mùa tuyển sinh tại những địa phương trọng điểm, nơi có nhiều dân cư, các trường THPT để quảng bá rộng rãi các ngành học của nhà trường. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng phát động để mỗi GV, SV trong Trường là “đại sứ” quảng bá thương hiệu cho Trường.

Ngoài ra, thông qua các chương trình hợp tác, Trường có thể mở rộng diện tuyển sinh đối với SV ngoại quốc. Việc làm này sẽ giúp nhà trường gia tăng thương hiệu và uy tín không chỉ ở phạm vi trong nước mà còn cả ngoài nước. Trước mắt, Trường có thể tạo học bổng thu hút học sinh và tăng cường trao đổi SV; sau đó, mở rộng tuyển sinh ra nhiều nước trong khu vực.

2.2.3. Tiếp tục duy trì và mở rộng chính sách học bổng: Tiếp tục duy trì chính sách hỗ trợ chi phí học tập cho SV thuộc diện ưu tiên theo quy định, cùng với việc thành lập các quỹ học bổng, khuyến học cho các nghiên cứu khoa học đạt giải cao trong các cuộc thi... sẽ cô vũ, động viên, khích lệ tinh thần cho SV có thêm động lực để học tập, rèn luyện đạt thành tích cao. Tiếp tục có những chính sách hấp dẫn cho những thí sinh có năng lực. Nhà trường cần có chế độ ưu đãi với các thí sinh có kết quả thi tuyển từ 27 điểm trở lên. Đối với các thí sinh tham gia đội tuyển

Olympic quốc tế và thí sinh đoạt giải Nhất học sinh giỏi quốc gia đăng kí tuyển thẳng vào Trường, Nhà trường nên miễn 100% học phí trong suốt quá trình học tập. Đồng thời, các thí sinh này sẽ nhận được các phần thưởng có giá trị khi nhập học. Đối với những thí sinh đạt giải Nhì, Ba học sinh giỏi quốc gia, Nhà trường nên miễn 50% học phí trong suốt quá trình học tập... Đây là cách làm hiệu quả, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Trường ngay từ khâu tuyển sinh.

2.2.4. Nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ đào tạo: Ngoài các yếu tố như nội dung chương trình đào tạo, hệ thống giáo trình, sách tham khảo hay đội ngũ cán bộ quản lí, GV giảng dạy thì cơ sở vật chất cũng có vai trò hết sức quan trọng đối với chất lượng đào tạo. Một nhà trường có đầy đủ các yếu tố nêu trên nhưng cơ sở vật chất nghèo nàn, lạc hậu, không theo kịp sự phát triển của xã hội thì sẽ không thể có chất lượng đào tạo tốt nhất. Vì thế, Trường phải luôn chú trọng tăng cường cơ sở vật chất, trang bị các phương tiện giảng dạy và học tập hiện đại, như: các thiết bị nghe nhìn, máy chiếu, wifi, nâng cấp các phòng máy, các phòng học đa năng, trung tâm thư viện hiện đại... để có thể tạo ra nguồn SV được đào tạo có chất lượng tốt nhất, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

2.2.5. Thành lập “Trung tâm hướng nghiệp và tư vấn việc làm”: Vấn đề việc làm có ảnh hưởng rất lớn đến quyết định lựa chọn trường của thí sinh. Vì vậy, nếu chúng ta tạo được cơ hội tìm kiếm việc làm cho SV đã tốt nghiệp của Trường sẽ là giải pháp hữu hiệu để thu hút ngày càng nhiều thí sinh dự tuyển vào Trường. Để làm tốt việc này, nhà trường cần chủ động hợp tác với các đơn vị sử dụng nhân lực sau đào tạo, gắn lí thuyết với thực hành, trong việc tạo điều kiện để SV tiếp cận thực tế, thực tập tại đơn vị, doanh nghiệp, tập đoàn lớn. Ngoài việc giúp SV được cọ xát trong môi trường thực tế thì đây cũng là cách để giới thiệu các em với doanh nghiệp; cũng như tham khảo ý kiến doanh nghiệp về mức độ đáp ứng công việc của SV sau tốt nghiệp; từ đó bổ sung, điều chỉnh phương pháp giảng dạy, trang bị kiến thức, kỹ năng cho SV phù hợp với yêu cầu thực tế công việc.

Trung tâm hướng nghiệp và tư vấn việc làm của Trường sẽ tư vấn giới thiệu việc làm; tổ chức các chương trình giao lưu, hội thảo về tuyển dụng; huấn luyện kỹ năng; thống kê số liệu việc làm; khảo sát đánh giá nhu cầu, năng lực đối với các ngành nghề đào tạo của Trường và thông tin phản hồi của doanh nghiệp về chất lượng; khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của người học sau khi tốt nghiệp; phối hợp với các tổ chức, cá nhân, đơn vị sử dụng lao động trong việc đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội.

(Xem tiếp trang 25)

ngoài nhà trường khác là những lực lượng tham gia giúp đỡ, phối hợp với các lực lượng trong Bộ phận/Ban để cùng giáo dục HS. Bộ phận/Ban này chịu trách nhiệm quản lý các điều kiện hỗ trợ cho CTCNL.

+ Bước 2. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Bộ phận/Ban: HT phân công lao động rõ ràng, sắp xếp vị trí của từng người trong Ban phù hợp với năng lực của họ, quy định và thủ tục quản lý rõ ràng. Khi phân công nhiệm vụ cho các cá nhân, cần phải xác định mục tiêu của nhiệm vụ và kết quả nhất định cần đạt tới theo từng nhiệm vụ, phải quy định rõ phạm vi, quyền hạn cần thiết của mỗi cá nhân, mỗi bộ phận để đạt được hiệu quả.

+ Bước 3. Thiết lập cơ chế làm việc: Thiết lập một cơ chế điều phối, tạo thành sự liên kết hoạt động giữa các thành viên, các bộ phận trong Bộ phận/Ban, tạo điều kiện đạt mục tiêu một cách dễ dàng.

+ Bước 4. Thảo luận quyết định thành lập: Khi đã xây dựng xong cơ cấu tổ chức Bộ phận/Ban, HT tổ chức cho tập thể các tổ, nhóm, đặc biệt là các GVCN lớp, CBQL trong nhà trường có liên quan thảo luận, góp ý kiến. HT điều chỉnh nếu thấy cần thiết và hợp lý.

+ Bước 5. HT ra quyết định thành lập.

3. Kết luận

Quản lý đội ngũ GVCN là nhiệm vụ cốt lõi của HT trong quản lý nhà trường. Quản lý đội ngũ GVCN lớp tốt góp phần quản lý tốt chất lượng giáo dục của nhà trường, giúp cho việc nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo của nhà trường. Sáu biện pháp nêu trên có mối quan hệ chặt chẽ và tác động tương hỗ với nhau. Mỗi biện pháp có tính độc lập tương đối nhưng chúng thống nhất với nhau trong một chỉnh thể hệ thống các biện pháp nhằm quản lý có hiệu quả đội ngũ GVCN lớp. Trong thực tế, nếu HT thực hiện đồng bộ, linh hoạt các biện pháp được đề xuất ở trên phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường thì chắc chắn công tác quản lý đội ngũ GVCN của HT trường THPT sẽ đạt hiệu quả tốt hơn, góp phần thực hiện tốt mục tiêu giáo dục ở các trường THPT huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2011). *Thông tư số 212/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT về Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.*
- [2] Bộ GD-ĐT (2011). *Tài liệu tập huấn về công tác giáo viên chủ nhiệm trong trường trung học cơ sở, trung học phổ thông.*
- [3] Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*

[4] Trần Thị Hương (chủ biên, 2009). *Giáo trình Giáo dục học phổ thông*. NXB Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.

[5] Quốc hội (2005). *Luật Giáo dục*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.

[6] Hà Nhật Thăng (chủ biên) - Nguyễn Dục Quang - Nguyễn Thị Kỳ (2006). *Công tác giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông*. NXB Giáo dục.

[7] Trần Châu Hoàn (2011). *Biện pháp quản lý công tác chủ nhiệm lớp của hiệu trưởng các trường trung học phổ thông huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng*. Tạp chí Giáo dục, số 254, tr 4-6;13.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO...

(Tiếp theo trang 28)

3. Kết luận

Chính sách nâng cao chất lượng và số lượng SV đầu vào, nhất là SV khá, giỏi đến học tại Trường là một trong những chiến lược được ưu tiên hàng đầu, quyết định sự phát triển của Trường Đại học Nội vụ Hà Nội. Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, nhà trường cần thực hiện đồng bộ và thường xuyên các giải pháp liên quan đến chất lượng đào tạo, chất lượng đội ngũ GV, chính sách học bổng, điều kiện cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, truyền thông, quảng bá hình ảnh, hướng nghiệp, tư vấn việc làm sau khi tốt nghiệp cho SV và tiếp tục mở thêm các ngành học mới, đặc biệt là các ngành đang phát triển và phù hợp với nhu cầu xã hội.

Tài liệu tham khảo

- [1] Chính phủ (2015). *Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021.*
- [2] Trường Đại học Nội vụ Hà Nội (2017). *Báo cáo kết quả thực hiện công tác 6 tháng đầu năm 2017.*
- [3] R. Gross (2007). *Học tập đỉnh cao*. NXB Lao động.
- [4] Nguyễn Tấn Hùng (2007). *Một số biện pháp nâng cao chất lượng dạy và học đáp ứng yêu cầu đào tạo tin chỉ*. Tạp chí Giáo dục, số 168, kì 2/7/2007, tr 17-18.
- [5] J. Landsberger (2009). *Học tập cũng cần chiến lược*. NXB Lao động - Xã hội.
- [6] Mạnh Tuấn (2007). *Những kỹ năng học tập hoàn hảo dành cho sinh viên*. NXB Văn hóa - Thông tin.
- [7] Phạm Minh Hạc (2003). *Nghiên cứu con người và nguồn nhân lực đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [8] P.M. Kegientev (1979). *Những nguyên tắc trong công tác tổ chức*. NXB Lao động.